

BÀI 2. BẢNG TẦN SỐ CÁC GIÁ TRỊ CỦA DẤU HIỆU

I. Bảng tần số

- Từ bảng số liệu thống kê ban đầu, có thể lập bảng tần số (bảng phân phối thực nghiệm của dấu hiệu).
- Bảng tần số giúp người điều tra dễ dàng có những nhận xét chung về sự phân phối các giá trị của dấu hiệu và tiện lợi cho việc tính toán sau này.

II. Ví dụ minh họa

Bài 6 sách giáo khoa trang 11

a. Dấu hiệu tìm hiểu ở đây là: kết quả điều tra về số con của 30 gia đình thuộc một thôn.

b. Có tất cả 30 giá trị.

Có 5 giá trị khác nhau lần lượt là 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4.

c. Tần số của giá trị 0 là 2 lần.

Tần số của giá trị 1 là 4 lần.

Tần số của giá trị 2 là 17 lần.

Tần số của giá trị 3 là 5 lần.

Tần số của giá trị 4 là 2 lần.

d. Lập bảng tần số:

Giá trị (x)	0	1	2	3	4
Tần số (n)	2	4	17	5	2

e. Từ bảng tần số, em hãy rút ra một vài nhận xét:

- Gia đình trong thôn này sinh được nhiều nhất là 4 đứa con và có 2 gia đình như vậy.

- Gia đình trong thôn này sinh ít nhất là 0 đứa con và có 2 gia đình như vậy.
- Phần lớn gia đình trong thôn này sinh 2 đứa con và có 17 gia đình như vậy.

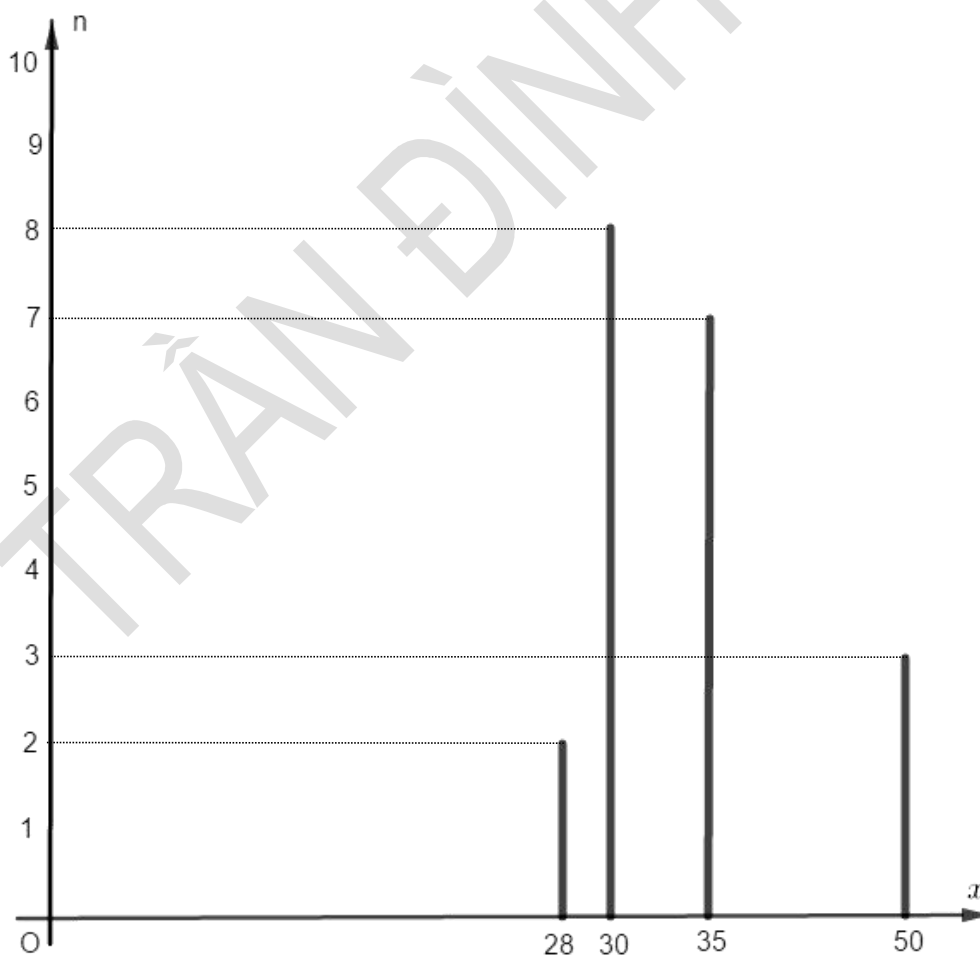
BÀI 3. BIỂU ĐỒ

I. Biểu đồ đoạn thẳng

- Từ bảng tần số đã cho trong sách giáo khoa:

Giá trị (x)	28	30	35	50	
Tần số (n)	2	8	7	3	$N = 20$

- Ta có thể dựng một biểu đồ đoạn thẳng:



II. Biểu đồ hình chữ nhật

- Bên cạnh biểu đồ đoạn thẳng, người ta còn sử dụng biểu đồ hình chữ nhật để thực hiện việc nhận xét và so sánh giữa các giá trị.
- Ví dụ về biểu đồ hình chữ nhật: Sách giáo khoa trang 14.

III. Khái niệm tần suất trong thống kê

- Ngoài tần số của một giá trị của dấu hiệu, đôi khi người ta còn tính tần suất của giá trị đó.
- Công thức tính tần suất: $f = \frac{n}{N}$

Trong đó, N là số các giá trị, n là tần số và f là tần suất của giá trị cần tính.

BÀI 4. SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. Bài toán đặt ra

Bảng 19 sách giáo khoa trang 17.

- Dấu hiệu tìm hiểu ở đây là gì ?.....(tự trả lời).....
- Số các giá trị là bao nhiêu ?.....(tự trả lời).....
- Tần số của mỗi giá trị là bao nhiêu ?.....(tự trả lời).....
- Lập bảng tần số.....(tự trả lời).....

II. Số trung bình cộng của dấu hiệu

- Ý nghĩa của số trung bình cộng: Số trung bình cộng thường được dùng làm đại diện cho dấu hiệu, đặc biệt là khi muốn so sánh các dấu hiệu cùng loại.
- Công thức tính số trung bình cộng:

$$\overline{X} = \frac{n_1x_1 + n_2x_2 + \dots + x_k n_k}{n_1 + n_2 + \dots + n_k} = \frac{n_1x_1 + n_2x_2 + \dots + x_k n_k}{N}$$

- Ví dụ minh họa: Bảng 19 sách giáo khoa trang 17.

Số trung bình cộng là:

$$\overline{X} = \frac{2.3 + 3.2 + 4.3 + 5.3 + 6.8 + 7.9 + 8.9 + 9.2 + 10.1}{3 + 2 + 3 + 3 + 8 + 9 + 9 + 2 + 1} = \frac{250}{40} = 6,25$$

III. Một của dấu hiệu

- Định nghĩa: Một của dấu hiệu là giá trị có tần số lớn nhất trong bảng tần số. Ký hiệu là M_0 .

- Ví dụ minh họa: Bảng 19 sách giáo khoa trang 17.

Một của dấu hiệu là: $M_0 = 7$ hoặc 8 (vì hai giá trị này có cùng tần số lớn nhất là 9).

-----**HẾT**-----

1. Các em chép đầy đủ và rõ ràng các nội dung bài học của bài 2-3-4 vào vở bài học (đại số). Khi nào đi học lại thầy sẽ kiểm tra vở bài học để lấy điểm kiểm tra 15 phút.

2. Các em làm hết phần thống kê trong đề cương mà thầy đã phát. Lưu ý: bỏ không làm các câu có liên quan đến biểu đồ. Những câu còn lại cố gắng làm cẩn thận và chính xác.